

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16- 4- 2024

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa

Ông Đỗ Đức Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, Thư ký TAND thị xã Bỉm Sơn

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Tống Văn A - sinh năm 1987

Trú tại: Khu phố S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

(có mặt).

Bị đơn: Chị Vũ Thị T - sinh năm 1991

Trú tại: Khu phố S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2023 nguyên đơn anh Tống Văn A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh ở khu phố S, phường Đ, thị xã B. Chung sống cùng nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Sau nhiều lần thì mâu thuẫn bắt đầu phức tạp hơn, cuộc sống hôn nhân dần trở nên tẻ nhạt, vợ chồng xa cách, mạnh ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Cãi vã nhiều hơn và có lần phát sinh cả xô xát. Sau

lần này sinh xô xát anh đã quyết định sống ly thân. Trong thời gian ly thân anh đã nhún nhường, níu kéo rất nhiều. Thế nhưng chị Thủy đã để lại 3 con và bỏ đi khỏi nhà. Đến bây giờ chị vẫn không có tin tức gì, không hay biết chị T đang sống ở đâu, sống cùng ai. Cho đến nay anh và chị T đã không còn tình cảm, không thể hàn gắn nổi lại quan hệ. Vì vậy anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là Tống Huyền T(nữ), sinh ngày 25/11/2009, cháu thứ hai tên là Tống Minh H (nữ) sinh ngày 26/9/2011, cháu thứ ba tên là Tống Minh Đ (nam) sinh ngày 10/01/2016. Nếu ly hôn anh xin được nuôi 3 cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng chị T không có mặt tại Tòa án để làm việc, không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2024 ông Tống Văn A, trưởng khu phố S, phường Đ, thị xã Bim Sơn trình bày: Chị Vũ Thị T và anh Tống Văn A là vợ chồng hợp pháp và cùng sinh sống với bố mẹ chồng tại khu phố Sơn N, phường Đ, thị xã B. Thời gian gần đây đã xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và giữa chị T với bố, mẹ chồng. Các bên đã xảy ra cãi vã, to tiếng nên chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Chị T không báo cáo chính quyền địa phương nên không biết hiện nay chị T ở đâu. Bản thân ông sau khi biết việc anh Tống Văn A đưa đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đã cố gắng liên hệ với chị T để hỏi thăm tình hình và khuyên giải các bên, nhưng chị T không bắt máy, nên không có cơ hội để trao đổi thông tin.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 03 con chung. Hiện nay cả ba cháu đang sinh sống cùng bố và ông, bà nội. Tuy gia đình anh Tống Văn A thuộc hộ cận nghèo, nhưng vẫn luôn quan tâm, chăm sóc tốt cho các cháu.

Nay anh Tống Văn A làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn xin được ly hôn với chị Vũ Thị T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn thì đề nghị Tòa án tiến hành hoà giải đoàn tụ cho anh chị, để vợ chồng cùng nhau chung sức nuôi dưỡng, chăm sóc con cái.

Trong trường hợp anh Tống Văn A kiên quyết ly hôn, chị T không thể hiện quan điểm của mình và cố tình giấu địa chỉ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên và đặc biệt là con cái của anh chị.

Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2024 ông Bùi Phương T cán bộ Công an quản lý địa bàn khu phố S, phường Đ, thị xã B cung cấp: Cho đến thời điểm này (ngày 25/01/2024) chị Vũ Thị T vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Sơn N,

phường Đ, thị xã B, tỉnh T. Còn hiện tại chị T đang ở đâu và làm gì thì công an phường không nắm rõ vì chị T không báo cáo thay đổi nơi cư trú mới. Thời gian gần đây, chị T vẫn đến Công an phường để xin xác nhận loại giấy tờ liên quan đến xác nhận cư trú, xác nhận về nhân sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 15/3/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/02/2024. Tuy nhiên, anh Tống Văn A có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, chị T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Tống Văn A có mặt, bị đơn chị Vũ Thị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tống Văn A

- Về hôn nhân: Xử cho anh Tống Văn A được ly hôn với chị Vũ Thị T.
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là các cháu là Tống Huyền T (nữ), sinh ngày 25/11/2009, Tống Minh H (nữ) sinh ngày 26/9/2011, Tống Minh Đ (nam) sinh ngày 10/01/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị miễn tiền án phí cho anh Tống Văn A vì là hộ cận nghèo và anh Anh có đơn đề nghị miễn tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh Tống Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại

phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Xét việc chị Vũ Thị T đã đi khỏi nơi cư trú: HĐXX thấy, chị Vũ Thị T đã rời khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh tại công an phường cho biết chị T thỉnh thoảng vẫn đến Công an phường để xin xác nhận các loại giấy tờ liên quan đến xác nhận cư trú, xác nhận về nhân sự. Tuy nhiên, anh Tống Văn A khai từ ngày chị T bỏ đi không về nhà, không liên hệ với anh và các con. Toà án đã tiến hành niêm yết các giấy triệu tập và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị T không có mặt để Toà án làm việc.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số:04/2017/NQ ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định như sau: “ Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự”. Như vậy, trường hợp chị Vũ Thị T là đúng địa chỉ nơi cư trú. Tuy nhiên, khi đi khỏi nơi cư trú chị T không thông báo cho chính quyền địa phương nắm rõ địa chỉ nơi cư trú mới của mình. Vì vậy được coi là cố tình dấu địa chỉ và được giải quyết theo quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Tống Văn A và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Tống Văn A khai do tính tình hai vợ chồng không hợp, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Nay vợ chồng thực sự không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên anh A cương quyết xin ly hôn với chị T, chị T không có mặt tại Tòa án không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh A. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Tống Văn A, xử cho anh Tống Văn A được ly hôn với chị Vũ Thị T là phù hợp.

[3.2] Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là Tống Huyền T (nữ), sinh ngày 25/11/2009, cháu thứ hai tên là Tống Minh H (nữ) sinh ngày 26/9/2011, cháu thứ ba tên là Tống Minh Đ (nam) sinh ngày 10/01/2016. Nếu ly hôn anh xin được nuôi 3 cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của anh A cũng phù hợp với nguyện

vọng của các cháu T, H xin được ở với bố, còn cháu Đ là người khuyết tật đặc biệt nặng hiện đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 675.000đ, không đi học, không biết chữ nên không thể trình bày nguyện vọng xin ở với ai được. Nên, xét chị T vắng mặt tại nơi cư trú, Toà án đã triệu tập đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của anh A nhưng chị T không có mặt để thể hiện quan điểm xin nuôi con của mình. Vì chị T vắng mặt tại địa phương nên cần giao 3 cháu T, H, Đ cho anh Tổng Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tổng Văn A thuộc hộ cận nghèo và có đơn miễn án phí DSST nên miễn án phí DSST 300.000đ cho anh Tổng Văn A theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là phù hợp.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 4 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Tổng Văn A

- Về hôn nhân: Xử cho anh Tổng Văn Anh được ly hôn với chị Vũ Thị T

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là các cháu Tổng Huyền T (nữ), sinh ngày 25/11/2009, Tổng Minh H (nữ) sinh ngày 26/9/2011, Tổng Minh Đ (nam) sinh ngày 10/01/2016 cho anh Tổng Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí DSST 300.000đ cho anh Tổng Văn Anh.

Trả lại cho anh Tống Văn Asố tiền 300.000đ anh A đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn theo biên lai thu số: AA/2021/0006411 ngày 13/11/2023.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Tống Văn A, vắng mặt chị Vũ Thị T. Anh Tống Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/4/2024), chị Vũ Thị Tđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Bim Sơn;
- Dương sự;
- UBND phường Đ (ĐK 07/12/2009);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- THA Dân sự thị xã Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỐNG THỊ HÀ

